

Số: 99/2022/QĐST-DS

A, ngày 27 tháng 06 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 91/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Văn Thị Thúy N, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Đường V, khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1980

Chị Đinh Thị H1, sinh năm: 1982

Cùng địa chỉ: Xóm T2, khu vực T1, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Đình C, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Đường V, khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định hiện nay vợ chồng anh Nguyễn Hữu H – chị Đinh Thị H1 còn nợ vợ chồng chị Văn Thị Thúy N – anh Nguyễn Đình C số tiền mua phân bón là 49.863.000 đồng (Bốn mươi chín triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Ghi

nhận sự tự nguyện của vợ chồng chị N – anh C về việc không yêu cầu tính lãi chậm trả.

2.2. Vợ chồng anh H – chị H1 có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng chị N – anh C số tiền là 49.863.000 đồng (Bốn mươi chín triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng), trả liên tục trong 07 (bảy) tháng, mỗi tháng trả 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2022 đến tháng 01/2023. Và tiếp tục vào ngày 10/02/2023, vợ chồng anh H - chị H1 trả 7.863.000 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Nếu vợ chồng anh H – chị H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tại thời điểm vi phạm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hoặc kể từ ngày ra quyết định thi hành án chủ động, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.3. Về án phí: Vợ chồng anh Nguyễn Hữu H – chị Đinh Thị H1 tự nguyện chịu 1.244.075 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Văn Thị Thúy N 1.872.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005220 ngày 20/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kiều Oanh